

# Đầu nối ren khí dạng T

## QSTL-1/4-8

Số bộ phận: 153121

FESTO



### Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                                  | Giá trị                                                               |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                                                | Tiêu chuẩn                                                            |
| Chiều rộng định mức                                                       | 6.7 mm                                                                |
| Loại đệm kín trên ngông vận vít                                           | Lớp bọc                                                               |
| Vị trí lắp đặt                                                            | bất kì                                                                |
| Thiết kế                                                                  | Hình chữ L, đầu kết nối bổ sung, theo chiều dài                       |
| Kích cỡ gói                                                               | 10                                                                    |
| Cấu trúc xây dựng                                                         | Nguyên tắc đẩy-kéo                                                    |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh                           | -0.095 MPA...0.6 MPA<br>-0.95 bar...6 bar<br>-13.775 psi...87 psi     |
| Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ                                   | -0.095 MPA...1.4 MPA<br>-0.95 bar...14 bar<br>-13.775 psi...203 psi   |
| Lưu ý về áp suất vận hành                                                 | Nước: tối đa 0,6 MPa ở tối đa 50 °C                                   |
| Môi chất vận hành                                                         | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]<br>Nước (chất lỏng, không có đá) |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                                     | Có thể hoạt động bằng dầu                                             |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                                      | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                              |
| Tuân thủ LABS                                                             | VDMA24364-B1/B2-L                                                     |
| Độ phù hợp sử dụng trong phòng sạch, được đo theo tiêu chuẩn ISO 14644-14 | Loại 4 theo ISO 14644-1                                               |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                            | -10 °C...80 °C                                                        |
| trọng lượng sản phẩm                                                      | 25 g                                                                  |
| Số lối ra                                                                 | 2                                                                     |
| Số lượng đường dây cung cấp                                               | 1                                                                     |
| Kiểu gắn                                                                  | Ổ cắm lục giác ngoài SW14                                             |
| Cổng nối khí nén 1                                                        | Ren ngoài R1/4                                                        |
| Cổng nối khí nén 2                                                        | đối với ống mềm bên ngoài Ø 8 mm                                      |
| Màu vòng nhả                                                              | màu xanh dương                                                        |
| Vật liệu ngông vận vít                                                    | Đồng thau mạ niken                                                    |
| Ghi chú vật liệu                                                          | Tuân thủ RoHS                                                         |
| Vật liệu vỏ                                                               | PBT                                                                   |
| Vật liệu vòng nhả                                                         | POM                                                                   |

| Đặc tính                      | Giá trị                   |
|-------------------------------|---------------------------|
| Vật liệu vòng đệm kín ống mềm | NBR                       |
| Đoạn kẹp ống vật liệu         | thép không gỉ hợp kim cao |